

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 12 - THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/8/2025

V/v: “Không công nhận quan hệ  
vợ chồng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Vũ Thị Ánh Tuyết

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Thanh Bình

Bà Nguyễn Thị Thành

*- Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Khánh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hoá.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa tham gia phiên toà:* Ông Phạm Minh Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 12 - Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 8 năm 2025 về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị T, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Đình K, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 30/7/2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bà Cao Thị T trình bày: Bà và ông Lê Đình K tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông K không quan tâm chăm sóc vợ con dẫn đến tình cảm bị rạn nứt nên bà và ông K đã sống

ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà T xét thấy tình cảm không còn, thời gian ly thân đã lâu nên đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông Lê Đình K là vợ chồng.

Bị đơn ông Lê Đình K trình bày: Về quan hệ hôn nhân ông và bà Cao Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1993, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và nhưng không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống, đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau dẫn đến tình cảm bị rạn nứt, đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà T đề nghị Tòa án không công nhận ông và bà T là vợ chồng, ông hoàn toàn đồng ý.

Về con chung: Bà T và ông K có 02 (hai) con chung là Lê Đình T1, sinh ngày 10/9/1995 và Lê Đình D, sinh ngày 10/10/1999. Hiện nay các con đều đã đủ tuổi thành niên, bà T và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình. Điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Tuyên bố không công nhận bà Cao Thị T và ông Lê Đình K là vợ chồng.

Về con chung: Bà T và ông K có 02 (hai) con chung là Lê Đình T1, sinh ngày 10/9/1995 và Lê Đình D, sinh ngày 10/10/1999. Hiện nay các con đều đã đủ tuổi thành niên, bà T và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn bà Cao Thị T là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Cao Thị T làm đơn khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng đối với bị đơn ông Lê Đình K trú tại: Thôn C, xã C, tỉnh Thanh Hóa. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hoá, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án về Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng được quy định tại khoản 8 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bà Cao Thị T và ông Lê Đình K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị T và ông Lê Đình K tự do tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Tại biên bản xác minh ngày 12/8/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Thanh Hóa, qua xác minh với UBND xã C, tỉnh Thanh Hóa đã xác định bà Cao Thị T và ông Lê Đình K không có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, tỉnh Thanh Hóa. Như vậy việc bà Cao Thị T và ông Lê Đình K chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn là vi phạm luật Hôn nhân và gia đình về thủ tục đăng ký kết hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về hướng dẫn thi hành một số quy định của luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Cao Thị T và ông Lê Đình K.

Về con chung: Bà Cao Thị T và ông Lê Đình K có 02 (hai) con chung là Lê Đình T1, sinh ngày 10/9/1995 và Lê Đình D, sinh ngày 10/10/1999. Hiện nay các con đều đã đủ tuổi thành niên, bà T và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên không xem xét

[5] Về án phí: Bà Cao Thị T thuộc trường hợp là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm đ khoản 1 Điều 12 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị T
2. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Cao Thị T và ông Lê Đình K.
3. Về con chung: Bà Cao Thị T và ông Lê Đình K có 02 (hai) con chung là Lê Đình T1, sinh ngày 10/9/1995 và Lê Đình D, sinh ngày 10/10/1999. Hiện nay các con đều đã đủ tuổi thành niên, bà T và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết.
4. Về án phí: Nguyên đơn bà Cao Thị T được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- VKSND khu vực 12 – Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã Cẩm Tú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Ánh Tuyết**



## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

**Nguyễn Thị Thành**

**Bùi Thanh Bình**

**Vũ Thi Ánh Tuyết**







